

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Tên giao dịch quốc tế: Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company

Tên viết tắt: **PPC**

Mã chứng khoán: **PPC**

Địa chỉ: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203 881 126; Fax: 03203 881 338

Website: <http://www.ppc.evn.vn>

Năm báo cáo: **2009**

### **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

#### **1. Những sự kiện quan trọng**

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006.

## CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

Năm	Sự kiện kiện
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I.
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước.
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

	để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh.

## 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ - nhiệt điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

## 3. Định hướng phát triển

### a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 6,0 tỷ kWh trở lên.
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong công ty.
- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững.

## b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công thương.

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2009 vừa qua tiếp tục là năm có những biến động gây ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, do tình hình lưới điện luôn thiếu hụt và thực hiện huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, PPC duy trì sản xuất và phát với công suất cao, thực hiện nhiệm vụ duy trì công suất do đó PPC đã không dừng các tổ máy để đại tu sửa chữa nên sản lượng điện sản xuất đạt cao nhất từ khi xây dựng Nhà máy đến nay. Sản lượng điện sản xuất của PPC năm 2009 đạt 7,357 tỷ kWh. Sản lượng điện sản xuất cao góp phần ổn định và tăng trưởng doanh thu mang lại lợi nhuận từ sản xuất điện trên 1.200 tỷ đồng.

Doanh thu từ các khoản đầu tư tài chính từ của PPC năm 2009 đạt hiệu quả cao với việc thanh lý một số hợp đồng uỷ thác đầu tư mang lại tỷ suất lợi nhuận đến trên 15%, các hợp đồng tiền gửi dài hạn có lãi suất cao và ổn định với tổng doanh thu tài chính năm 2009 đạt trên 379 tỷ đồng.

Tuy nhiên do VNĐ tiếp tục bị mất giá so với JPY nên Công ty phải trích lập khoản chi phí chênh lệch tỷ giá lên đến trên 540,6 tỷ đồng dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2009 bị ảnh hưởng đáng kể, chỉ còn 892,014 tỷ đồng.

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Tổng lợi nhuận theo kế hoạch: 297,130 tỷ đồng

- Tổng lợi nhuận thực hiện (sau thuế): 892,014 tỷ đồng

Trong đó:

+ Lãi từ hoạt động SXKD: 886,470 tỷ đồng

+ Thuế TNDN hoãn lại: 5,544 tỷ đồng

- Lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch là: 300,21 % tỷ đồng

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Tại thời điểm 01/01/2009, số dư các khoản đầu tư dài hạn 278,998 tỷ đồng, cụ thể: Góp vốn (15%) vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc và Uỷ thác đầu tư qua các Công ty quản lý quỹ như Công ty quản lý quỹ Bảo Việt 150 tỷ đồng, Công ty quản lý quỹ Việt Nam 75 tỷ đồng.

Trong năm 2009 công ty tập trung đầu tư, góp vốn vào các dự án nhiệt điện. Đến thời điểm 31/12/2009, số dư các khoản đầu tư dài hạn là: 1.907,707 tỷ đồng. Trong đó: Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh với mức góp là 15% vốn điều lệ tương đương 747,9 tỷ đồng, (đến năm 2010 góp bổ sung thêm 1,2% tương đương 61,2 tỷ đồng vốn điều lệ bổ sung phần thoái vốn của TKV, nâng tỷ lệ góp của Công ty lên 16,2% tương đương 809,1 tỷ đồng). Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng bằng 15,5% vốn điều lệ, đến thời điểm 31/12/2009, PPC đã góp 687,657 tỷ đồng (bằng 12,4%). Năm 2009 mức lãi suất cơ bản của các Ngân hàng thấp hơn so với năm 2008, PPC đã đầu tư vào mua trái phiếu có mức lãi suất khá cao như trái phiếu Habubank: 100 tỷ đồng lãi suất năm đầu là 10,5%, uỷ thác mua trái phiếu với Công ty tài chính Điện lực là: 200 tỷ đồng với mức lãi suất năm đầu là 11%. Mua trái phiếu Ngân hàng đầu tư phát triển: 118 tỷ đồng lãi suất coupon là 10,2%. Lãi suất các năm sau là lãi suất điều chỉnh phù hợp. Như vậy lãi suất của các trái phiếu PPC đầu tư đều cao hơn với lãi suất Ngân hàng cùng thời điểm.

Trong năm 2009, một số hợp đồng uỷ thác quản lý đầu tư đã đến hạn hợp đồng và đem lại hiệu quả cao: Như hợp đồng quản lý đầu tư với công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam, tỷ suất lợi nhuận đạt được trung bình cho cả hai năm uỷ thác của cả hai hợp đồng là trên 10%/năm; Hợp đồng quản lý quỹ với Công ty quản lý quỹ Bảo Việt, tỷ suất lợi nhuận năm 2009 đạt 11,2%.

#### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị để tham gia có hiệu quả khi thị trường phát điện cạnh tranh vận hành. Những năm tới tình hình thiếu điện vẫn còn xảy ra sẽ là cơ hội cho Công ty phát điện với công suất cao, từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,...

### III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

a) Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán của Công ty:

- **Khả năng sinh lời:**

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
- Tỷ suất sinh lời của TS (ROA) (LN trước thuế+Lãi vay) /Tổng TS	9,76%	-2,76%	9,04%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VKD	8,51%	-1,92%	7,60%
- Tỷ suất LN sau thuế/VCSH (ROE)	21,55%	-6,04%	20,66%

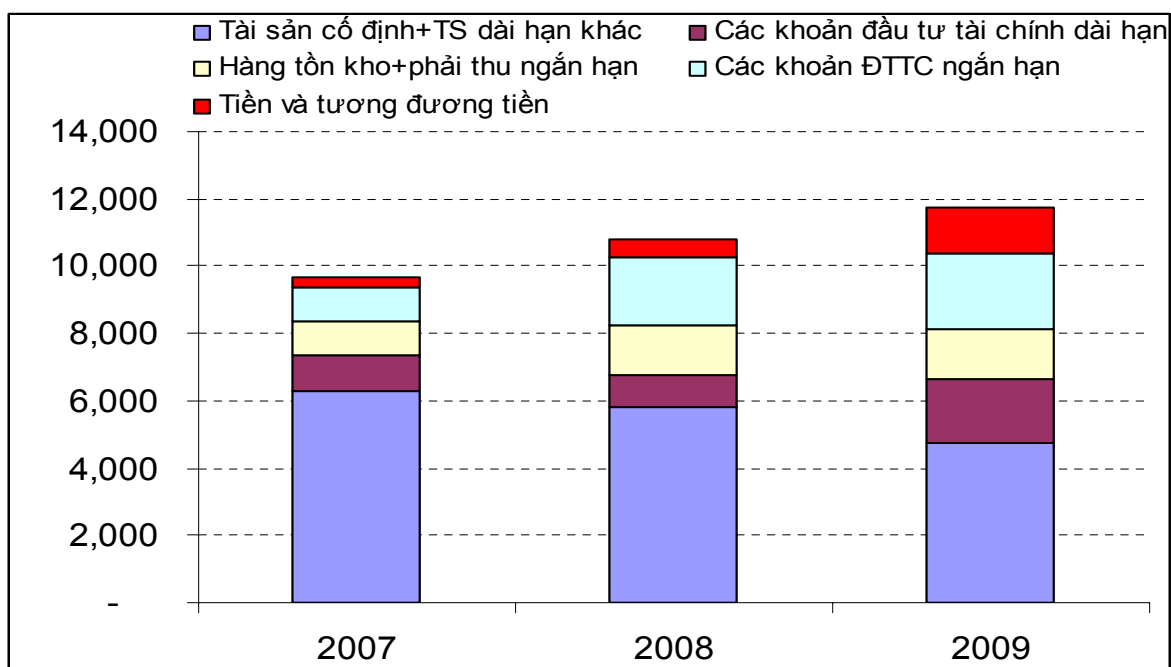
- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	21,65%	-5,35%	20,18%
- Vòng quay VKD (lần)	0,39	0,36	0,38

• **Khả năng thanh toán:**

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ phải trả)	0,55	0,39	0,51
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	4,00	3,29	5,78
- Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho/Nợ phải trả)	3,44	2,62	5,20
- Khả năng thanh toán tức thời (tiền & tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,51	0,45	0,86

b) Giá trị tài sản:

Giá trị tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 là 11.743,84 tỷ đồng, trong đó: Tài sản ngắn hạn 5.099,16 tỷ đồng; Tài sản dài hạn 6.644,68 tỷ đồng.



**Bảng cơ cấu tài sản**

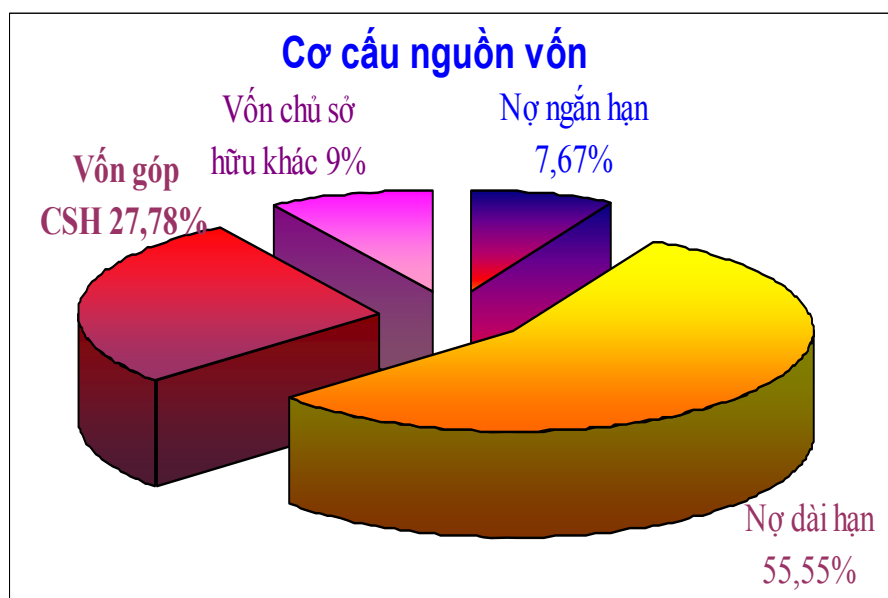
Nội dung	2007		2008		2009	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Tiền và tương đương tiền	313	3.23	513	4.75	1,383	11.78
Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	1,030	10.64	2,020	18.70	2,205	18.78
Hàng tồn kho+phải thu ngắn hạn	964	9.96	1,488	13.78	1,509	12.85
Các khoản đầu tư TC dài hạn	1,098	11.34	955	8.84	1,870	15.93
Tài sản cố định+TS dài hạn khác	6,277	64.83	5,826	53.93	4,774	40.66
<b>Cộng tài sản</b>	<b>9,682</b>	<b>100</b>	<b>10,802</b>	<b>100</b>	<b>11,741</b>	<b>100</b>

c) **Vốn góp của cổ đông:**

Vốn góp của cổ đông đầu năm 2009 là 3.262,350 tỷ đồng. Số vốn góp (vốn điều lệ) tại thời điểm 31/12/2009 là 3.262,350 tỷ đồng.

- Mệnh giá cổ phần của Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần của Công ty là 326.235.000 cổ phần.
- Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu ưu đãi. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM.
- Tại thời điểm 31/12/2009 Công ty có cổ phiếu quỹ là 1.080.386 cổ phần.

Cơ cấu nguồn vốn của PPC tại ngày 31/12/2009 như sau



#### d) Cổ tức

Với kết quả đã đạt được trong năm 2009, ngày 08/01/2010, Hội đồng Quản trị Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền cho các cổ đông tỷ lệ 12% (1 cổ phiếu được hưởng 1.200 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức: 03/02/2010, ngày thực hiện chi trả: 02/3/2010.

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

Năm 2009, Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực, năng động trong điều hành sản xuất, kinh doanh. Đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh. Sản lượng điện sản xuất đạt 7,35 tỷ kWh bằng 123,28% kế hoạch. Đây là năm có sản lượng cao nhất từ trước đến nay. Doanh thu đạt 4.808 tỷ đồng bằng 124% so với kế hoạch. Lợi nhuận đạt 892 tỷ đồng, bằng 300,21% so với kế hoạch.

#### Bảng các chỉ tiêu chính thực hiện năm 2009

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	tr.kWh	5.968,305	7.357,777	123,28
2	Sản lượng điện bán cho EVN	tr.kWh	5.347,912	6.622,37	123,83
3	Tổng doanh thu & Thu nhập khác	tr.đồng	3.847.780	4.808.106	124,96
4	Tổng chi phí	tr.đồng	3.550.650	3.921.636	110,45
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	297.130	892.014	300,21
6	Tiền lương	tr.đồng	121.755	147.04	120,76
7	Đầu tư xây dựng	tr.đồng	31.714	16.260	51,28
8	Tỷ lệ cổ tức	%	5	12 (tạm ứng)	

### 3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Sau CPH đến nay Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu hiện nay là chuyên quản lý vận hành sản xuất điện.

- Dàn hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 từ tháng 12/2007, vì vậy công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nề nếp và có hiệu quả hơn.



- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong sản xuất năm 2009 đều đạt và đạt tốt hơn so với kế hoạch.

- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

b) Các biện pháp kiểm soát

- Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000;

- Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

#### **IV. Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009 được lập theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.099.163.183.691</b>	<b>4.738.663.610.791</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.383.302.959.936</b>	<b>512.800.801.199</b>
1. Tiền	111		24.102.959.936	32.800.801.199
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.359.200.000.000	480.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.205.000.000.000</b>	<b>2.735.647.725.728</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.205.000.000.000	2.755.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129		-	(19.352.274.272)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>876.954.166.119</b>	<b>931.920.868.294</b>
1. Phải thu khách hàng	131		867.117.307.022	915.396.364.260
2. Trả trước cho người bán	132		9.803.833.558	15.962.439.677
3. Các khoản phải thu khác	135		33.025.539	562.064.357
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>601.820.401.413</b>	<b>557.197.978.285</b>
1. Hàng tồn kho	141		719.652.863.777	652.854.399.236
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(117.832.462.364)	(95.656.420.951)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.085.656.223</b>	<b>1.096.237.285</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		30.503.745.710	431.668.061
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.581.910.513	664.569.224
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.644.679.613.900</b>	<b>6.058.645.918.208</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.452.376.164.947</b>	<b>5.502.035.705.300</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.230.318.936.946	5.114.382.198.737
- Nguyên giá	222		13.266.503.453.950	13.255.619.563.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.036.184.517.004)	(8.141.237.364.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	38.299.406.924	44.046.635.396
- Nguyên giá	228		57.274.433.766	57.274.433.766
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.975.026.842)	(13.227.798.370)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		183.757.821.077	343.606.871.167
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>1.869.919.462.500</b>	<b>239.200.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.907.707.462.500	278.998.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(37.788.000.000)	(39.798.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>322.383.986.453</b>	<b>317.410.212.908</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.130.931.336	1.701.168.144
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	321.253.055.117	315.709.044.764
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.743.842.797.591</b>	<b>10.797.309.528.999</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.424.075.076.591</b>	<b>7.361.025.009.262</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>901.350.219.137</b>	<b>1.006.054.442.771</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	372.648.174.393	343.423.050.999
2. Phải trả người bán	312		152.237.384.753	133.258.170.464
3. Người mua trả tiền trước	313		36.713.165	496.797.970
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	17.858.675.499	24.005.036.499
5. Phải trả người lao động	315		41.134.379.796	14.313.944.154
6. Chi phí phải trả	316	14	222.827.534.885	390.313.777.397
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	94.607.356.646	100.243.665.288
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.522.724.857.454</b>	<b>6.354.970.566.491</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	6.521.343.052.054	6.353.326.443.666
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.381.805.400	1.644.122.825
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>4.319.767.721.000</b>	<b>3.436.284.519.737</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>4.317.000.101.305</b>	<b>3.431.985.636.217</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(65.004.299.580)	(65.004.299.580)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		309.600.000.000	309.600.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		52.500.000.000	52.500.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		757.554.400.885	(127.460.064.203)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.767.619.695</b>	<b>4.298.883.520</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.767.619.695	4.298.883.520
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.743.842.797.591</b>	<b>10.797.309.528.999</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2009	31/12/2008
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	15.042.282.379	15.853.306.683
2. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329

**Tổng Giám đốc**  
 (Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
 (Đã ký)

**Người lập**  
 (Đã ký)

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	4.420.949.771.326	3.881.915.350.482
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.420.949.771.326	3.881.915.350.482
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	3.139.703.837.594	2.798.492.740.811
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.281.245.933.732	1.083.422.609.671
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	379.645.834.443	293.005.863.348
6. Chi phí tài chính	22	21	703.119.346.532	1.795.578.679.099
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		72.737.625.968	61.718.954.616
8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		885.034.795.675	(480.869.160.696)
9. Thu nhập khác	31		7.511.452.482	16.915.697.144
10. Chi phí khác	32		6.075.793.422	4.099.462.646
11. Lợi nhuận khác	40		1.435.659.060	12.816.234.498
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		886.470.454.735	(468.052.926.198)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(5.544.010.353)	(255.269.266.167)
15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	60		892.014.465.088	(212.783.660.031)
16. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.743	(654)

**Tổng Giám đốc**  
(Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(Đã ký)

**Người lập**  
(Đã ký)

**Nguyễn Khắc Sơn**

**Lê Thế Sơn**

**Nguyễn Quang Huy**

*Ngày 04 tháng 3 năm 2010*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm 2009	Năm 2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	886.470.454.735	(468.052.926.198)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.251.362.307.562	2.608.847.672.119
- Khấu hao tài sản cố định	02	901.050.015.275	933.650.295.603
- Các khoản dự phòng	03	813.767.141	76.751.705.032
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	540.664.782.782	1.543.119.936.540
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(366.878.825.300)	(115.635.142.264)
- Chi phí lãi vay	06	175.712.567.664	170.960.877.208
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.137.832.762.297	2.140.794.745.921
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(12.321.006.969)	(862.775.629.907)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(66.798.464.541)	(110.982.638.160)
- Tăng các khoản phải trả	11	27.460.895.987	215.113.572.703
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	570.236.808	(788.327.930)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(174.202.701.298)	(920.912.812)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30.503.745.710)	(1.647.279.914)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	57.797.680	90.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.453.879.705)	(9.505.542.136)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.873.641.894.549</b>	<b>1.369.378.387.765</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(14.787.273.248)	(229.215.088.142)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	88.000.000	830.296.843
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.796.823.073.944)	(3.085.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.155.000.000.000	2.185.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.435.557.500.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay	27	432.363.162.380	123.796.722.202
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(659.716.684.812)</b>	<b>(1.004.588.069.097)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(2.169.916.500)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	75.074.414.034
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(343.423.051.000)	(75.074.414.034)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(162.617.307.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(343.423.051.000)</b>	<b>(164.787.223.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>870.502.158.737</b>	<b>200.003.095.168</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>512.800.801.199</b>	<b>312.797.706.031</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.383.302.959.936</b>	<b>512.800.801.199</b>

**Tổng Giám đốc**  
 (Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
 (Đã ký)

**Người lập**  
 (Đã ký)

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 1 năm 2006. Hiện nay, Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ngân Hà là các cổ đông sáng lập của Công ty. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông chi phối, nắm giữ 65,44% vốn điều lệ của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.438 người (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.526 người).

##### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

#### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỤC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty do việc đánh giá chênh lệch tỷ giá của các khoản phải trả dài hạn không làm Công ty bị lỗ trong năm 2009.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập trong năm tài chính cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm là 10% trong 10 năm kể từ thời điểm đưa thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 vào sử dụng. Theo đó, mỗi năm Công ty sẽ lập dự phòng thêm bằng 10% giá trị còn lại cuối niên độ kế toán của giá trị vật tư dự phòng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo các ước tính về giá trị bị suy giảm, không cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp, vì vậy sẽ tạo ra một khoản tài sản thuế hoãn lại được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25



## **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị chi phí về quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích

kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003-NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, các công văn về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức có chứng khoán giao dịch trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008, thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	989.752.898	2.991.747.953
Tiền gửi ngân hàng	23.113.207.038	29.809.053.246
Các khoản tương đương tiền (i)	1.359.200.000.000	480.000.000.000
	<u>1.383.302.959.936</u>	<u>512.800.801.199</u>

**(i):** Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	1.930.000.000.000	2.020.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	275.000.000.000	735.000.000.000
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	-	300.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt (BVFMC)</i>	150.000.000.000	70.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM) (iii)</i>	75.000.000.000	100.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)</i>	50.000.000.000	265.000.000.000
	<b>2.205.000.000.000</b>	<b>2.755.000.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(19.352.274.272)
	<b>2.205.000.000.000</b>	<b>2.735.647.725.728</b>

**(i):** Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

**(ii):** Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác được phân loại lại từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn sẽ đáo hạn trong năm 2010. Các khoản đầu tư tài chính này được hoàn nhập dự phòng trong năm 2009 theo những ước tính kế toán về mặt giá trị của các khoản đầu tư.

**(iii):** Khoản ủy thác đầu tư trên đã đáo hạn vào ngày 24 tháng 2 năm 2010 với tổng số tiền thu được gồm gốc là 75.000.000.000 VND và lãi nhận được là 38.742.440.548 VND.

## 7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	701.004.758.374	635.105.621.038
Công cụ, dụng cụ	18.641.268.403	17.732.263.198
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.837.000	16.515.000
	<b>719.652.863.777</b>	<b>652.854.399.236</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(117.832.462.364)	(95.656.420.951)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>601.820.401.413</b>	<b>557.197.978.285</b>

## 8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cổ định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>1.702.724.013.632</b>	<b>11.469.196.806.267</b>	<b>49.054.308.692</b>	<b>33.254.168.520</b>	<b>1.390.266.073</b>	<b>13.255.619.563.184</b>
Tăng trong năm	2.066.162.834	3.375.885.781	1.785.842.112	3.011.016.904	1.234.988.901	11.473.896.532
- <i>Mua sắm mới</i>	-	1.352.111.156	1.785.842.112	3.011.016.904	1.234.988.901	7.383.959.073
- <i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>	2.066.162.834	2.023.774.625	-	-	-	4.089.937.459
Giảm trong năm	-	-	447.200.000	142.805.766	-	590.005.766
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>1.704.790.176.466</b>	<b>11.472.572.692.048</b>	<b>50.392.950.804</b>	<b>36.122.379.658</b>	<b>2.625.254.974</b>	<b>13.266.503.453.950</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>1.007.397.879.163</b>	<b>7.079.785.402.687</b>	<b>29.717.058.188</b>	<b>23.716.121.739</b>	<b>620.902.670</b>	<b>8.141.237.364.447</b>
Tăng trong năm	74.637.439.396	814.287.673.606	2.958.055.488	3.195.280.758	359.519.355	895.437.968.603
- <i>Trích khấu hao</i>	74.559.635.105	814.287.673.606	2.958.055.488	3.195.280.758	302.141.846	895.302.786.803
- <i>Tình hao mòn</i>	77.804.291	-	-	-	57.377.509	135.181.800
Giảm trong năm	-	-	359.322.812	131.493.234	-	490.816.046
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>1.082.035.318.559</b>	<b>7.894.073.076.293</b>	<b>32.315.790.864</b>	<b>26.779.909.263</b>	<b>980.422.025</b>	<b>9.036.184.517.004</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>622.754.857.907</b>	<b>3.578.499.615.755</b>	<b>18.077.159.940</b>	<b>9.342.470.395</b>	<b>1.644.832.949</b>	<b>4.230.318.936.946</b>
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>695.326.134.469</b>	<b>4.389.411.403.580</b>	<b>19.337.250.504</b>	<b>9.538.046.781</b>	<b>769.363.403</b>	<b>5.114.382.198.737</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 với giá trị là 716.897.910.686 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 624.924.120.165 VND).

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2009	57.274.433.766
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>57.274.433.766</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2009	13.227.798.370
Trích khấu hao trong năm	5.747.228.472
Giảm khác	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>18.975.026.842</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2009	<b>38.299.406.924</b>
Tại ngày 31/12/2008	<b>44.046.635.396</b>

## 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
<b>Các khoản ủy thác đầu tư tài chính</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>960.000.000.000</b>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	300.000.000.000
Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt (BVFMC)	-	220.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 1</i>	-	150.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 2</i>	-	70.000.000.000
Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM)	-	175.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 1</i>	-	100.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 2</i>	-	75.000.000.000
Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	-	265.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 1</i>	-	200.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 2</i>	-	65.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (i)	200.000.000.000	-
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng BIDV (ii)	118.151.962.500	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)	687.657.500.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (v)	747.900.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc (v)	7.500.000.000	7.500.000.000
Đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng HBB (iii)	100.000.000.000	-
	<b>1.907.707.462.500</b>	<b>1.013.998.000.000</b>
Đã phân loại sang đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(735.000.000.000)
<b>Số dư đầu tư tài chính dài hạn khác</b>	<b>1.907.707.462.500</b>	<b>278.998.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(37.788.000.000)	(39.798.000.000)
	<b>1.869.919.462.500</b>	<b>239.200.000.000</b>

**(i): Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực:** Là khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 1011/2009/UTDT-EVNFC\_PPC ngày 10 tháng 11 năm 2009 với số tiền là 200 tỷ VND để mua trái phiếu doanh nghiệp bao gồm trái phiếu EVN và trái phiếu doanh nghiệp có uy tín. Thời hạn của khoản ủy thác đầu tư là 03 năm kể từ ngày Công ty chuyển khoản vốn ủy thác. Lãi suất của khoản ủy thác đầu tư là 11%/năm trong năm thứ nhất và bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank trên địa bàn Hà Nội vào ngày xác định lãi suất + 2,5%/năm cho năm thứ hai và thứ ba. Phí quản lý hàng năm của khoản ủy thác đầu tư là 0,1% được tính trên vốn đầu tư.

**(ii): Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV):**

Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận số 03.17082009/SSI-PPC ngày 18 tháng 8 năm 2009 với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 05 năm 2016. Lãi suất 10,2%/năm có giá trị đến ngày 19 tháng 05 năm 2016. Trong trường hợp trái phiếu không được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày này thì sau đó trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất là 10,825%.

**(iii): Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Cổ phần Nhà Hà Nội (HBB):**

Hợp đồng mua trái phiếu số 03HBB10/2009/HĐ-MBTP ngày 16 tháng 10 năm 2009 ký với Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn của Hợp đồng là 3 năm tính từ thời điểm phát hành trái phiếu. Trái phiếu được chào bán không có bảo đảm, lãi suất năm đầu cố định là 10,5%, lãi suất năm sau là lãi suất thấp hơn giữa: (i) 2,8%/năm + lãi suất tham chiếu (mức lãi suất bình quân của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả lãi cuối kỳ được công bố bởi bốn ngân hàng lớn tại Việt Nam là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam (Chi nhánh Hà nội) và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt nam (Sở giao dịch) tại ngày xác định lãi suất trái phiếu của năm thứ hai), (ii) lãi suất trần áp dụng đối với huy động trái phiếu của các ngân hàng thương mại được quy định bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**(iv): Đầu tư chứng khoán khác:**

Là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa với giá bình quân là 69.400 VND/cổ phiếu. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty xác định giá trị thị trường của cổ phiếu này là 13.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư đã được hoàn nhập với số tiền là 2.010.000.000 VND.

**(v):** Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc với tỉ lệ vốn góp lần lượt là 15,5%, 15% và 15%.

## 11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (i) VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (ii) VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2008	40.160.221.343	20.279.557.254	60.439.778.597
Tăng lợi nhuận trong năm	251.634.718.183	3.634.547.984	255.269.266.167
Tại ngày 31/12/2008	291.794.939.526	23.914.105.238	315.709.044.764
Tăng lợi nhuận trong năm	-	5.544.010.353	5.544.010.353
Tại ngày 31/12/2009	291.794.939.526	29.458.115.591	321.253.055.117

**(i):** Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận từ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Chi phí tài chính của khoản lỗ đánh giá lại lớn hơn cơ sở thuế. Vì vậy, một khoản tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận và xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài sản thuế được thu hồi.

**(ii):** Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận từ việc lập dự phòng hàng tồn kho theo chính sách kế toán của Công ty và theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán (Thuyết minh số 4 - Phần “Hàng tồn kho”). Vì vậy, có sự chênh lệch về mặt thời gian giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế. Theo đó, tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận cho khoản chênh lệch tạm thời này.

## 12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16)	372.648.174.393	343.423.050.999
	<b>372.648.174.393</b>	<b>343.423.050.999</b>

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.322.851.299	22.830.048.433
Thuế tài nguyên	499.600.800	379.440.000
Các loại thuế khác	36.223.400	795.548.066
	<b>17.858.675.499</b>	<b>24.005.036.499</b>



## 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Lãi vay phải trả	52.740.000.000	51.230.133.634
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	167.812.393.108	338.569.099.945
Các khoản khác	2.275.141.777	514.543.818
	<b>222.827.534.885</b>	<b>390.313.777.397</b>

## 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	2.770.156.284	2.085.218.821
Bảo hiểm xã hội	15.002.154	13.418.710
Phải trả về cổ phần hóa	-	50.000.000
Nhận ký cược ngắn hạn	1.252.064.309	2.058.174.344
Các khoản phải trả khác (i)	90.570.133.899	96.036.853.413
	<b>94.607.356.646</b>	<b>100.243.665.288</b>

(i): Các khoản phải trả khác bao gồm khoản phải trả Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 với số tiền là 81.131.476.128 VND, là giá trị vật tư dự phòng của dây chuyền thiết bị Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Đây là giá trị vật tư dự phòng được bàn giao cho Công ty trong năm 2007.

## 16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009		31/12/2008	
	(JPY)	(VND tương đương)	(JPY)	(VND tương đương)
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.349.732.070	6.893.991.226.447	36.206.474.344	6.696.749.494.665
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)	(1.856.742.274)	(343.423.050.999)
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>32.492.989.796</b>	<b>6.521.343.052.054</b>	<b>34.349.732.070</b>	<b>6.353.326.443.666</b>

Khoản vay trên được thực hiện bằng đồng Yên Nhật (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm

2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43% năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC, không có tài sản đảm bảo.

***Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:***

	31/12/2009		31/12/2008	
	(JPY)	(VND tương đương)	(JPY)	(VND tương đương)
Trong vòng một năm	1.856.742.274	372.648.174.393	1.856.742.274	343.423.050.999
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	372.648.174.393	1.856.742.274	343.423.050.999
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.117.944.523.171	5.570.226.822	1.030.269.152.997
Sau năm năm	25.066.020.700	5.030.750.354.490	26.922.762.974	4.979.634.239.670
	<b>34.349.732.070</b>	<b>6.893.991.226.447</b>	<b>36.206.474.344</b>	<b>6.696.749.494.665</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)	(1.856.742.274)	(343.423.050.999)
<b>Số phải trả dài hạn</b>	<b>32.492.989.796</b>	<b>6.521.343.052.054</b>	<b>34.349.732.070</b>	<b>6.353.326.443.666</b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, số dư khoản vay dài hạn bằng đồng Yên Nhật (JPY) đã được đánh giá lại theo tỷ giá tính chéo được Ngân hàng Nhà nước công bố là 200,7 VND/JPY (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 184,96 VND/JPY) và tạo ra một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá là 540.664.782.782 VND như đã trình bày tại thuyết minh số 21 - “Chi phí tài chính”.

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### *Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2008</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>(62.834.383.080)</b>	<b>19.600.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>557.588.182.742</b>
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(212.783.660.031)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(2.169.916.500)	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	-	290.000.000.000	7.500.000.000	(308.000.000.000)
Chia lợi nhuận cho các cổ đông	-	-	-	-	(162.617.307.000)
Nộp thuế TNDN theo kết quả Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	(1.647.279.914)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2008</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>(65.004.299.580)</b>	<b>309.600.000.000</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>(127.460.064.203)</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	892.014.465.088
Tạm trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(7.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>(65.004.299.580)</b>	<b>309.600.000.000</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>757.554.400.885</b>

### *Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2009		31/12/2008	
	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.135.002.260.000	65,44	2.218.132.260.000	67,99
Cổ đông khác	1.127.347.740.000	34,56	1.044.217.740.000	32,01
	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>100</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>100</b>

## 18. DOANH THU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>4.416.456.303.458</b>	<b>3.877.287.020.434</b>
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.414.627.671.870	3.875.475.055.048
Điện tự dùng	1.828.631.588	1.811.965.386
<b>Hoạt động khác</b>	<b>4.493.467.868</b>	<b>4.628.330.048</b>
Doanh thu hoạt động khác	4.493.467.868	4.628.330.048
	<b>4.420.949.771.326</b>	<b>3.881.915.350.482</b>

## 19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>3.139.003.911.878</b>	<b>2.797.726.923.449</b>
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	1.855.823.339.645	1.450.102.059.080
Chi phí khấu hao	876.273.422.289	910.400.430.252
Chi phí sửa chữa	220.191.555.024	213.276.143.302
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	139.022.393.000	89.715.668.800
Chi phí phụ liệu	22.765.835.777	61.421.168.107
Chi phí khác	24.927.366.143	72.811.453.908
<b>Hoạt động khác</b>	<b>699.925.716</b>	<b>765.817.362</b>
	<b>3.139.703.837.594</b>	<b>2.798.492.740.811</b>

## 20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	350.817.513.342	3.152.166.939
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	16.008.533.333	289.753.101.155
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.819.787.768	100.595.254
	<b>379.645.834.443</b>	<b>293.005.863.348</b>

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay dài hạn	175.712.567.664	170.960.877.208
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	593.896.774	24.200.184.144
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay	540.664.782.782	1.543.119.936.540
Chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(21.362.274.272)	53.522.274.272
Chi phí tài chính khác	7.510.373.584	3.775.406.935
	<b>703.119.346.532</b>	<b>1.795.578.679.099</b>

## 22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	886.470.454.735	(468.052.926.198)
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>22.560.041.413</b>	<b>1.577.664.681.562</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	22.560.041.413	1.577.664.681.562
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>909.030.496.148</b>	<b>1.109.611.755.364</b>
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>15%</i>	<i>15%</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	136.354.574.422	166.441.763.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (*)	(136.354.574.422)	(166.441.763.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ hoạt động khác	-	-
	-	-

(\*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ tư Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 23. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	892.014.465.088	(212.783.660.031)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	325.154.614	325.205.819
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.743	(654)

## 24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	346.332.779.172
Bán điện cho Công ty mua bán điện	4.414.627.671.870	3.529.142.275.876
<b>Trả gốc vay và lãi vay</b>		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	343.423.050.999	288.305.656.596
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	175.712.567.664	170.039.964.396
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty CP DVSC Nhiệt điện miền Bắc cung cấp	62.910.680.254	74.130.321.480
<b>Lãi đầu tư, cho vay</b>		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	114.863.466.568	-

### *Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.893.991.226.447	6.696.749.494.665
Phải thu Công ty mua bán điện	768.392.660.589	737.609.988.683
Đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải phòng	687.657.500.000	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	747.900.000.000	-
Đầu tư vào Công ty CP DVSC Nhiệt điện miền Bắc	7.500.000.000	7.500.000.000
Cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Phải trả Công ty CP DVSC Nhiệt điện miền Bắc	20.496.606.258	47.810.148.203

### *Thu nhập của Ban Giám đốc:*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	804.487.100	1.024.458.400

## **25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

#### **1. Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán :

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.


### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

  
**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

  
**Nguyễn Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 04 tháng 3 năm 2010*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*



## **2. Kiểm toán nội bộ: Không**

### **VI. Các Công ty có liên quan**

#### **1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam:**

Tại thời điểm 31/12/2009 Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là đại diện Nhà nước nắm giữ 213,500,226 cổ phiếu, tương đương 65.44% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

2. Hiện tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại không nắm giữ trên 50% vốn cổ phần (hoặc vốn góp) tại công ty khác.

#### **3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:**

- Góp vốn vào công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc (NPS) bằng 15% vốn điều lệ tương đương với 7,5 tỷ đồng. Hoạt động chính cung cấp dịch vụ sửa chữa các thiết bị nhiệt điện Miền Bắc. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2009: doanh thu 63,152 tỷ, lợi nhuận sau thuế: 1,8 tỷ. Dự kiến cổ tức được nhận của năm 2009 là 2%.

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng góp 15,5% vốn điều lệ, số tiền góp đến thời điểm 31/12/2009 là 687,657 tỷ đồng. Tình hình hoạt động của các tổ máy như sau :

+ Tổ máy 1 đang chạy thử với công suất dao động ở mức 220 MW, hoà lưới đồng bộ lần đầu bằng than từ ngày 25/12/2009, dự kiến phát điện thương mại vào tháng 4/2010;

+ Các tổ máy còn lại, Tổ máy 2 dự kiến hoà đồng bộ lưới điện quốc gia đầu tháng 7 năm 2010 và phát điện thương mại dự kiến tháng 10/2010. Dự kiến phát điện thương mại của tổ máy 3 là tháng 3 năm 2012, phát điện thương mại tổ máy 4 là tháng 9 năm 2012.

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đến 31/12/2009 là 15% vốn điều lệ bằng 747,9 tỷ đồng. Tình hình hoạt động của các tổ máy như sau :

+ Tổ máy số 1 đang được vận hành liên tục, phát điện ở khoảng công suất từ 210 đến 280MW, việc thi công lắp đặt tổ máy số 2 được nhà thầu tiến hành song song với tổ máy 1. Tổng quan tiến độ thi công tổ máy 2 ước đạt khoảng 92%. Dự kiến phát điện thương mại của tổ máy 2 vào tháng 7 năm 2010. Nhà thầu dự kiến các mốc tiến độ của dự án cho tổ máy 3 sẽ bắt đầu chạy tin cậy và tháng 10/2011 và phát điện thương mại vào tháng 11/2011; Tổ máy số 4 chạy tin cậy vào tháng 01/2012 và dự kiến phát điện thương mại vào tháng 02/2012.

### **VII. Tổ chức và nhân sự**

#### **1. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

Công ty hiện có 12 đơn vị gồm các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ và các phân xưởng, được chia làm 02 khối gồm khối các phòng kỹ thuật nghiệp vụ và khối vận hành.

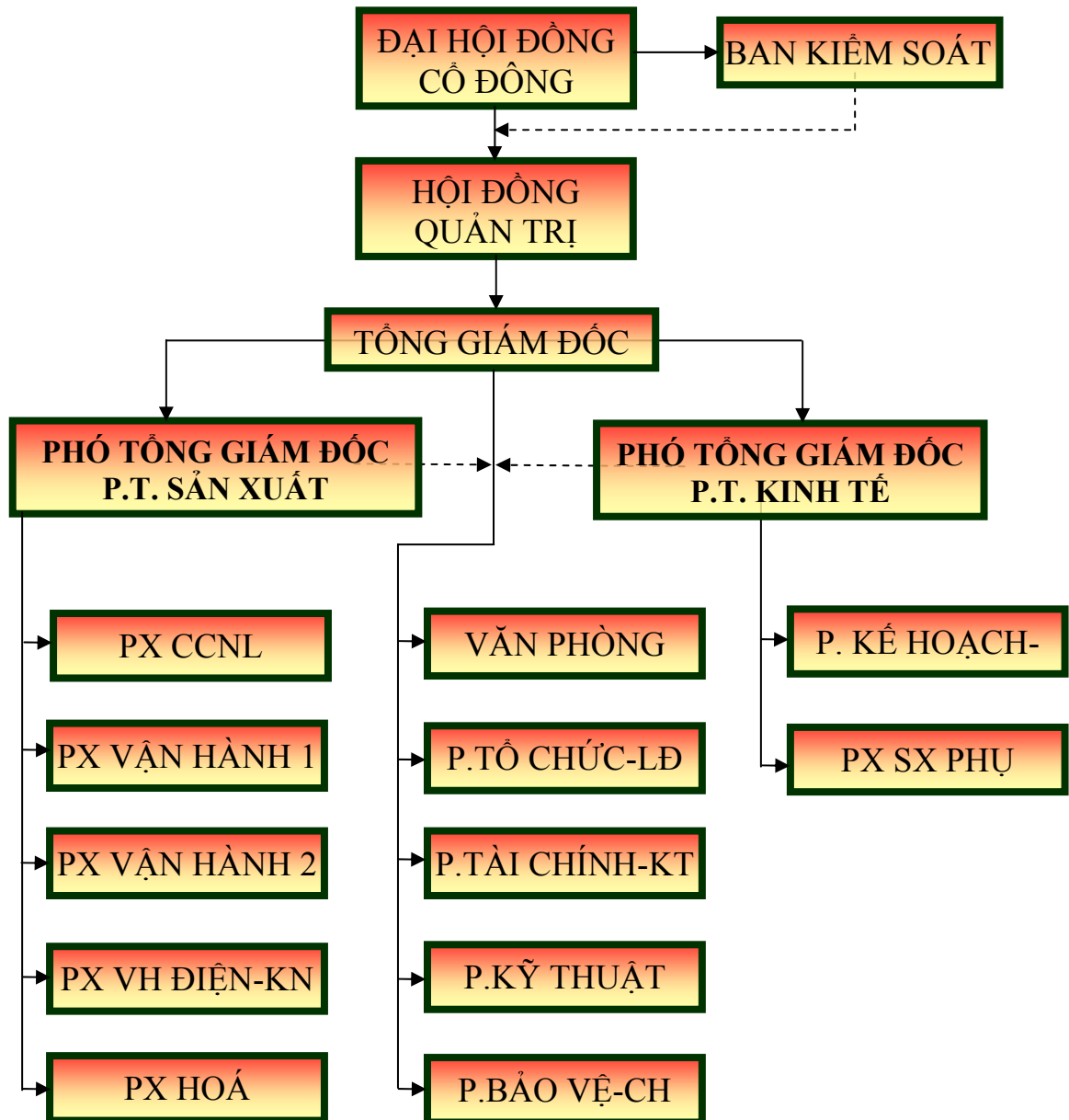
Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 1.464 người, trong đó:

a) Lãnh đạo Công ty:	04 người
b) Cán bộ đoàn thể:	04 người
c) Khối các phòng:	332 người
Gồm: - Lao động gián tiếp:	122 người
- Lao động phục vụ:	210 người
d) Khối các phân xưởng:	1.124 người

***Về trình độ:***

a) Đại học và sau đại học:	209 người, chiếm 14,27%
b) Cao đẳng và Trung cấp:	370 người, chiếm 25,28%
c) Công nhân kỹ thuật:	703 người, chiếm 48,02%
d) Lao động phổ thông:	182 người, chiếm 12,43%

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI



**1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Lãnh đạo Công ty  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT**

<b>A</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>1</b>	<b>Ông Phạm Kim Lâm</b>	
❖	Chức vụ hiện tại	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/12/1958
❖	Nơi sinh	Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Điện thoại	0963 939 688
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	05/1984 - 08/1993	Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	09/1993 - 8/2004	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	9/2004 - 4/2008	Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)

	17/4/2008 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ - Số cổ phần cá nhân sở hữu - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	105.840 cổ phần Đại diện 40% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: 88.725.290CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>2</b>	<b>Ông Nguyễn Khắc Sơn</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	09/11/1958
❖	Nơi sinh	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Điện thoại	03203 881 335
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142350197 cấp ngày 4/5/2005 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
❖	Quá trình công tác:	
	12/1982 - 2/1999	Kỹ sư, Phó quản đốc Phân xưởng Điện, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại

	03/1999 - 3/2002	Trưởng Phòng kỹ thuật Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2
	4/2002 - 12/2002	Phó trưởng Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2
	01/2003 - 01/2006	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phả Lại
	02/2006 - 04/2008	UV HĐQT- Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	17/4/2008 đến nay	UV HĐQT- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ:	
	- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	107.310 cổ phần
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Đại diện 35% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: 77.634.629 CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>3</b>	<b>Ông Nguyễn Tường Tấn</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Trưởng ban Kỹ thuật Nguồn điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	27/7/1950
❖	Nơi sinh	Thái Nguyên
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	23B, 1/36, ngõ 1 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội

❖	Điện thoại	0962 022 957
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	011301177 cấp ngày 17/5/2006 tại Hà Nội
❖	Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ
❖	Quá trình công tác:	
	05/1974 - 1980	Kỹ sư, Công ty Điện lực Miền Bắc, Hà Nội
	1981 - 1988	Kỹ sư, Trung tâm Thí nghiệm điện, Hà Nội
	1989 - 12/1994	Kỹ sư, Công ty Điện lực 1 - Hà Nội
	01/1995 - 12/1997	Chuyên viên Ban Kỹ thuật nguồn điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
	01/1998 đến nay	Phó trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
❖	Số cổ phần nắm giữ:	
	- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	350 CP
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Đại diện 25% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: 55.453.307CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>4</b>	<b>Ông Phạm Linh</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng giám đốc Công ty CP chứng khoán Quốc tế Việt Nam kiêm Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh
❖	Giới tính	Nam

❖	Ngày tháng năm sinh	27/10/1974
❖	Nơi sinh	Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	24 lô B3, Cư xá 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
❖	Điện thoại	0903 900 984
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Số CMND	022947142 cấp ngày 24/5/2001 tại TP HCM
❖	Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	03/1996 - 06/2003	Trưởng bộ phận quản lý tín dụng, Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
	7/2003 - 07/2007	Giám đốc kinh doanh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
	08/2007- 12/2008	Phó Tổng giám đốc Công ty CP chứng khoán Quốc tế Việt Nam, kiêm Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh
	01/2009 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP chứng khoán Quốc tế Việt Nam
❖	Số cổ phần nắm giữ	Cổ đông đại diện Công ty chứng khoán Quốc tế Việt Nam nắm giữ 538.429 CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>5</b>	<b>Ông Nguyễn Việt Hà</b>	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại



❖	Chức vụ hiện tại	Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	16/12/1976
❖	Nơi sinh	Hà Nội
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	103 – Nhà 5 - Tập thể Viện Công nghiệp – 219 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
❖	Điện thoại	043.9426800 (Máy lẻ: 484)
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Số CMND	011821799 cấp ngày 13/4/02006 tại Hà Nội
❖	Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính - Đầu tư
❖	Quá trình công tác:	
	2002-2003	Thực tập sinh tín dụng tại Ngân hàng Chinfon.
	2003-2005	Chuyên viên cấp cao, Giám đốc Indochina Capital.
	2005-2008	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MeKong
	2009 đến nay	Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
❖	Số cổ phần nắm giữ	Cổ đông đại diện Công ty Tài chính Dầu khí sở hữu 4.956.435 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

<b>B</b>	<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
<b>1</b>	<b>Ông Nguyễn Khắc Sơn</b>	(Xem phần Hội đồng quản trị)
<b>2</b>	<b>Ông Vũ Xuân Cường</b>	
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	02/05/1952
❖	Nơi sinh	Văn Giang, Ninh Giang, Hải Dương
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Điện thoại	0320 3881 456
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141130708 cấp ngày 5/5/2005 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt điện
❖	Quá trình công tác:	
	01/1976 - 01/1980	Kỹ sư, Nhà máy phân đạm Hà Bắc
	02/1980 - 01/2006	Kỹ sư, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.
	02/2006 - 4/2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	17/4/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	30.350 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không

❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>2</b>	<b>Ông Nguyễn Văn Thanh</b>	
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	9/9/1959
❖	Nơi sinh	Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Điện thoại	0963 344 046
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142466044 cấp ngày 15/8/2005 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
❖	Quá trình công tác:	
	01/1981 - 06/1984	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật, nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	07/1984 - 01/1986	Văn phòng Đoàn thanh niên, nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	02/1986 - 12/1988	Phó trưởng phòng hành chính, nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	01/1989 - 11/2000	Trưởng Ngành Đời sống Quản trị, nhà máy nhiệt điện Phả Lại.

	12/2000 - 10/2007	Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)
	11/2007 - 04/2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	17/4/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	34.020 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>C</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	
<b>1</b>	<b>Bà Đỗ Thị Vang</b>	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
❖	Chức vụ	Chuyên viên Ban Tài chính - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
❖	Giới tính	Nữ
❖	Ngày tháng năm sinh	12/9/1956
❖	Nơi sinh	Thanh Sơn, Thanh Hà, Hải Dương
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	SN 38, Dãy N4-Tổ 14 - K83, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
❖	Điện thoại	0915 054 816; 042 201 215
❖	Số CMND	012478006 cấp ngày 20/9/2001 tại Hà nội
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
❖	Quá trình công tác:	

	10/1977 - 11/1989	Kế toán, Kế toán tổng hợp Điện lực Hải Hưng
	12/1989 - 04/1990	Phó phòng Tài chính kế toán, Điện lực Hải Hưng
	05/1990 - 10/1997	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Điện lực Hải Hưng (nay là Hải Dương)
	11/1997 đến nay	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
❖	Số cổ phần PPC nắm giữ	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>2</b>	<b>Bà Hoàng Thị Viện</b>	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
❖	Chức vụ	Kế toán Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
❖	Giới tính	Nữ
❖	Ngày tháng năm sinh	21/4/1958
❖	Nơi sinh	Thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Điện thoại	0912 335 414
❖	Số CMND	141943440 cấp ngày 05/4/2006 tại Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10

❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán tài chính
❖	Quá trình công tác:	
	05/1979 – 10/1981	CB cải tiến ngân sách cấp huyện, Sở Tài chính Lâm Đồng
	11/1981 – 05/1993	Kế toán, Ban Quản lý dự án, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	6/1993 – Nay	Kế toán Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (Nay là Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)
❖	Số cổ phần PPC nắm giữ	5.785 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>3</b>	<b>Ông Phạm Quang Vinh</b>	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ	Phụ trách Kinh doanh chứng khoán, Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bảo Việt
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/10/1976
❖	Nơi sinh	Hà Nội
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	98A Hàng Bông, Hà Nội
❖	Điện thoại	0439 289 589
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Số CMND	011768679 cấp ngày 25/7/2000 tại Hà Nội
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

❖	Quá trình công tác:	
	Từ 1999 đến 2005	Kinh tế viên thẩm định dự án, phòng Thẩm định dự án, Trung tâm đầu tư, Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.
	Từ 2005 đến nay	Phụ trách kinh doanh chứng khoán, Phòng Đầu tư cổ phiếu niêm yết, Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt.
❖	Số cổ phần PPC nắm giữ	Cổ đông đại diện Bảo hiểm nhân thọ Việt Nam sở hữu 410.000 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

### **3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

a) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty (Tại thời điểm báo cáo 31/12/2009) là: 1.464 người (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên)

b) Các chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đào tạo :

Công tác đào tạo nguồn nhân lực được Công ty quan tâm thường xuyên, thông qua việc tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khoá đào tạo chuyên đề do ngành Điện tổ chức. Giải quyết cho nhiều CBCNV tham gia học Đại học tại chức tại các trường đại học nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Hiện nay, Công ty đang chú trọng đào tạo nguồn nhân lực như đào tạo sau đại học, đào tạo CEO, CFO... nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chính sách tiền lương:

Việc xếp lương cho người lao động trong Công ty được thực hiện theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước, đồng thời thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 141/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương đối với công ty mẹ do nhà nước làm chủ sở hữu và các công ty con trong tập đoàn kinh tế.

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của NLD,

khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà các lợi ích của Công ty và người lao động.

- Các chính sách khác

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

+ Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;

+ Ưu tiên trong việc xét chọn cho đi học tập nâng trình độ đối với những người có thành tích trong lao động sản xuất;

+ Thưởng bằng tiền cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLD được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 15.000.000 đồng nếu không may bị chết.

## **VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

- Thành phần Hội đồng Quản trị gồm có: 05 người (01 chủ tịch và 04 uỷ viên):

Ông Phạm Kim Lâm      Chủ tịch;

Ông Nguyễn Khắc Sơn      Uỷ viên;

Ông Nguyễn Tường Tấn      Uỷ viên;

Ông Phạm Linh              Uỷ viên;

Ông Nguyễn Việt Hà      Uỷ viên.

Trong đó số thành viên độc lập không điều hành là 04 người (Ông Phạm Kim Lâm, Ông Nguyễn Tường Tấn, Ông Phạm Linh, Ông Nguyễn Việt Hà ).

- Hội đồng Quản trị trong những năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm theo quy định trong Điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Các tiểu ban trong HĐQT và vai trò của nó: Không có

- Quyền lợi của Thành viên HĐQT: Tất cả các thành viên HĐQT không có quan hệ giao dịch kinh doanh liên quan đến Công ty.

- Thành phần Ban Kiểm soát gồm có 3 người:

Bà Đỗ Thị Vang              Trưởng ban;

Bà Hoàng Thị Viện          Thành viên;



Ông Phạm Quang Vinh Thành viên.

- Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2009:

- + Lương của Chủ tịch HĐQT: 27 triệu đồng/ tháng.
- + Lương của Tổng Giám đốc: 18 triệu đồng/tháng.
- + Thù lao của thành viên HĐQT: 05 triệu đồng/người/ tháng.
- + Thù lao của thành viên BKS: 04 triệu đồng/người/tháng.

Tổng số tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2009 là 1.031.562.800 đồng.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

- Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 26/03/2010

TT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Trong nước (1+2)</b>	<b>17,385</b>	<b>273,344,543</b>	<b>83.79</b>	
1	<b>Cá nhân</b>	17,269	40,851,443	12.52	
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>CBCNV</i>	1,398	6,278,943	1.92	
2	<b>Tổ chức</b>	116	232,493,100	71.27	
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tập đoàn điện lực VN</i>		213,500,226	65.44	<i>CD sáng lập</i>
	<i>Ngân hàng TM CP quốc tế</i>		300,000	0.09	<i>CD sáng lập</i>
	<i>CTCP Đầu tư xây dựng Ngân Hà</i>		20,000	0.01	<i>CD sáng lập</i>
<b>II</b>	<b>Nước ngoài (1+2)</b>	<b>922</b>	<b>52,890,457</b>	<b>16.21</b>	
1	<b>Cá nhân</b>	828	1,382,975	0.42	
2	<b>Tổ chức</b>	94	51,507,482	15.79	
	<b>Tổng</b>		<b>326,235,000</b>	<b>100.00</b>	

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông đặc biệt và cổ đông lớn:

a) Cổ đông đặc biệt

### Tập đoàn Điện Lực Việt nam

Trong năm 2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông sáng lập thực hiện giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ. Tiến hành bán 03 lần, cụ thể:

- Ngày 24/07/2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán 2.771.000 CP
- Ngày 14/08/2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán 2.771.000 CP
- Ngày 23/10/2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán 2.771.000 CP

Đến ngày 31/12/2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam còn sở hữu 213,500,226 Cổ phần (Tương đương 65.44% vốn điều lệ)

### **Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và người có liên quan**

Tháng 4/2009, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam—chi nhánh TP Hồ chí Minh-Cổ đông có liên quan đến UV hội đồng quản trị bán 126.420 CP. Sau khi thực hiện giao dịch, Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam – CN thành phố Hồ Chí Minh không còn nắm giữ cổ phiếu của PPC.

Từ ngày 11/05/2009 đến ngày 25/05/2009, Tổng công ty Tài chính cổ phần dầu khí thực hiện giao dịch bán 1.000.000 CP.

Từ ngày 29/05/2009 đến ngày 03/11/2009, Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam thực hiện giao dịch bán 1.571.190 cổ phần. Số lượng cổ phần còn nắm giữ sau thực hiện giao dịch là 4.956.435 CP (tương đương 1.52%Vốn điều lệ.

### **Tập đoàn bảo hiểm Bảo Việt và người có liên quan**

Từ ngày 12/2/2009 đến ngày 12/5/2009, Quỹ đầu tư Chứng khoán Bảo Việt BVF1 bán 400.000 Cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 425.000 cổ phiếu.

Từ ngày 13/2/2009 đến 13/5/2009, Tổng công ty Bảo việt Nhân thọ thực hiện bán 535.000 cổ phiếu.

Ngày 04/12/2009, Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo việt bán 425.000 cổ phiếu. Hiện nay, Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt không còn sở hữu cổ phiếu PPC.

Trong năm 2009, Tổng Công ty Bảo hiểm Nhân thọ thực hiện bán 1.000.000 CP. Số cổ phần còn sở hữu đến 31/12/2009 là 500.000 CP.

**Ông Vũ Xuân Cường-Phó Tổng Giám đốc Công ty:** Ngày 05/6/2009 thực hiện giao dịch bán 29.000 Cổ phiếu, hiện ông Vũ Xuân Cường còn sở hữu 30.350 CP.

#### **b) Cổ đông lớn:**

Cổ đông Deutshce Asset Management (Asia) Limited và Deutsche Bank Aktiengesellschaft thực hiện giao dịch:

- + Ngày 27/7/2009: mua 157.500 CP.
- + Ngày 25/8/2009: bán 123.600CP.

Hiện nay Deutsche Asset Management (Asia) Limited và Deutsche Bank Aktiengesellschaft còn nắm giữ 16.219.723 (tương đương 4.99%).

## **TỔNG GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>;
- Lưu VT, KHVT.

**Nguyễn Khắc Sơn**